

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

4.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh gồm ba phần:

Phần 1. Khối kiến thức chuyên ngành bổ sung

Phần 2. Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

Phần 3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

4.1.1. Phần 1. Khối kiến thức chuyên ngành bổ sung

Khối kiến thức chuyên ngành bổ sung bao gồm các học phần giúp nghiên cứu sinh ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh. Phần kiến thức chuyên ngành bổ sung dành cho 2 đối tượng nghiên cứu sinh, cụ thể là cử nhân tiếng Anh và thạc sĩ chuyên ngành gần.

4.1.1.1. Nghiên cứu sinh là người có bằng cử nhân tiếng Anh đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

Nghiên cứu sinh là người có bằng cử nhân tiếng Anh đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh sẽ học bổ sung kiến thức theo chương trình sau (Bảng 19)

Bảng 4.1: Các học phần bổ sung đối với NCS có bằng cử nhân tiếng Anh đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG (các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ)			35		
1. KIẾN THỨC CHUNG			8	5	3

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
NATH	601	Philosophy (Triết học)	3	2	1
NAPN	602	Research Methodology (Phương pháp nghiên cứu khoa học)	2	1	1
NAFL	603	Second Foreign Language (Ngoại ngữ hai)	3	2	1
2. CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH			27		
Các học phần bắt buộc			18	12	6
NAGL	604	General Linguistics (Ngôn ngữ học đại cương)	3	2	1
NAPP	605	Phonetics and Phonology (Ngữ âm và Âm vị học)	3	2	1
NASE	606	Semantics (Ngữ nghĩa học)	3	2	1
NAGT	607	Grammar Theories (Lý thuyết Ngữ pháp)	3	2	1
NACC	608	Cross-culture Communication (Giao tiếp giao văn hóa)	3	2	1
NACL	609	Contrastive Linguistics (Ngôn ngữ học đối chiếu)	3	2	1
Các học phần tự chọn: tự chọn 3 học phần			9	3	6
NAWL	610	World Englishes and Language Policies (Các loại tiếng Anh trên thế giới và chính sách Ngôn ngữ)	3	1	2
NADA	611	Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn)	3	1	2

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
NAAL	612	Applied Linguistics (Ngôn ngữ học ứng dụng)	3	1	2
NALE	613	Language Testing and Evaluation (Kiểm tra và Đánh giá ngôn ngữ)	3	1	2
NAAW	614	Academic Writing Skills (Kỹ năng Viết hàn lâm)	3	1	2
NASL	615	Socio-Linguistics (Ngôn ngữ học xã hội)	3	1	2
NALA	616	Language Acquisition (Thụ đắc ngôn ngữ)	3	1	2
NASD	617	Syllabus design (Thiết kế nội dung môn học)	3	1	2
NASP	618	English teaching methodology (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh)	3	1	2
NASP	619	English for specific purposes (Tiếng Anh chuyên ngành)	3	1	2
NATT	620	Translation theories (Lý thuyết dịch)	3	1	2
NAPR	621	Pragmatics (Ngữ dụng học)	3	2	1
TỔNG SỐ			35		

4.1.1.2. Nghiên cứu sinh là người có bằng thạc sĩ tiếng Anh gần với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ tiếng Anh gắn với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh thì phải học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu nghiên cứu của lĩnh vực ngành đào tạo nói chung và chuyên ngành Ngôn ngữ Anh nói riêng như sau (Bảng 20).

Bảng 4.2: Các học phần bổ sung đối với NCS có bằng thạc sĩ tiếng Anh gắn với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
HỌC PHẦN BỔ SUNG			12		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			9	6	3
NAGL	604	General Linguistics (Ngôn ngữ học đại cương)	3	2	1
NACL	609	Contrastive Linguistics (Ngôn ngữ học đối chiếu)	3	2	1
NASE	606	Semantics (Ngữ nghĩa học)	3	2	1
<i>Các học phần tự chọn: tự chọn 1 học phần</i>			3	2	1
NACC	608	Cross-culture Communication (Giao tiếp giao văn hóa)	3	2	1
NASL	615	Socio-linguistics (Ngôn ngữ học xã hội)	3	2	1
NALA	616	Language Acquisition (Thu đặc ngôn ngữ)	3	2	1
NADA	610	Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn)	3	2	1
NAPR	621	Pragmatics (Dụng học)	3	2	1
TỔNG SỐ			12		

4.1.2. Phần 2. Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

Nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành hoặc ngành phù hợp; nghiên cứu sinh thuộc các ngành gần đã hoàn thành các học phần bổ sung; cử nhân tiếng Anh đã hoàn thành bổ sung chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Anh thì phải hoàn thành chương trình của các học phần, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan dưới đây.

4.1.2.1. Các học phần đào tạo trình độ tiến sĩ

Các học phần đào tạo trình độ tiến sĩ cung cấp cho các nghiên cứu sinh một hệ thống kiến thức và kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện. Hệ thống kiến thức và kỹ năng nghiên cứu bao gồm việc xác định đề tài, phạm vi nghiên cứu, thiết lập và tiến hành các phương pháp nghiên cứu và công bố công trình nghiên cứu.

Ngoài ra, nghiên cứu sinh phải hoàn thành 4 học phần với khối lượng 12 tín chỉ. Các học phần bắt buộc là những học phần cơ bản, liên quan đến những cốt lõi ở mức độ cao của ngành ngôn ngữ và chuyên ngành Ngôn ngữ Anh, gồm 3 học phần 9 tín chỉ. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc hỗ trợ kiến thức nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học, gồm 1 học phần 3 tín chỉ.

4.1.2.2. Các chuyên đề tiến sĩ

Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Nghiên cứu sinh phải nắm vững kiến thức tương đối trọn vẹn về một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và làm nền tảng phát triển hướng nghiên cứu của mình; nắm vững kiến thức tương đối trọn vẹn về một đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu tự tích lũy theo yêu cầu và dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn khoa học nhằm mục đích trang bị cho mình năng lực nghiên cứu khoa học, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn liên

quan trực tiếp đến đề tài và giải quyết tốt đề tài luận án tiến sĩ. Nghiên cứu sinh luôn phải tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của mình, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 4 tín chỉ.

Ngoài các học phần về bồi dưỡng trình độ tiến sĩ và chuyên đề tiến sĩ, nghiên cứu sinh phải tự học một ngoại ngữ thứ hai (Ngoại ngữ học thuật, nghiên cứu sinh chọn 1 trong các thứ tiếng: tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung Quốc). Khi tốt nghiệp nghiên cứu sinh phải đạt được kỹ năng sử dụng cơ bản một ngoại ngữ thứ hai bậc 4 theo khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương trình độ B2 trở lên theo khung tham chiếu Châu Âu), đồng thời hỗ trợ để thực hiện tốt các công việc đọc hiểu tài liệu khoa học, viết tóm tắt về tài liệu khoa học học thuộc lĩnh vực khoa học phù hợp với hướng nghiên cứu của mình.

4.1.2.3. Tiểu luận tổng quan

Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đi trước của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

Tiểu luận tổng quan phải gồm có 4 mục chính: Mục 1. Tính cấp thiết của đề tài; Mục 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu; Mục 3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu; Mục 4. Phạm vi đối tượng nghiên cứu.

Trong phần tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và ngoài nước, yêu cầu nghiên cứu sinh cần phải:

- Hệ thống hóa tất cả các công trình, bài viết đã được công bố, kể cả các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ (kể cả trong và ngoài nước) liên quan mật thiết

đến đề tài luận án hoặc liên quan mật thiết đến các vấn đề cần được đề cập trong luận án;

- Phân tích, đánh giá và nêu rõ những mặt thành công và mức độ thành công của các công trình này trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đề tài luận án hoặc liên quan mật thiết đến các vấn đề cần được đề cập trong luận án; những quan điểm, luận điểm đã được thừa nhận rộng rãi, cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng trong những công trình nghiên cứu này;

- Phân tích, đánh giá và nêu rõ những vấn đề còn tồn tại liên quan đến đề tài luận án mà trong các công trình nói trên đã đề cập, nhưng chưa được giải quyết một cách triệt để hoặc còn đang có ý kiến khác nhau hoặc còn đang bỏ ngỏ cần tiếp tục nghiên cứu;

- Lựa chọn và xác định những vấn đề thuộc nội dung luận án mà tác giả cần và sẽ tập trung giải quyết.

Tiểu luận tổng quan cần chỉ rõ việc nghiên cứu phải xây dựng được cơ sở lý thuyết nào, phân tích cơ sở lý thuyết của đề tài, nêu và phân tích các giả thuyết nghiên cứu, đồng thời xác định và làm rõ một số khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài. Ngoài ra, nghiên cứu sinh phải nêu lên được các phương pháp sử dụng nghiên cứu để giải quyết các vấn đề đặt ra đối với đề tài. Liệt kê toàn bộ tài liệu mà nghiên cứu sinh đã tham khảo và sử dụng để viết tiểu luận tổng quan theo quy định hiện hành.

Tiểu luận tổng quan viết in trên giấy A4 có độ dài khoảng 20-30 trang (không kể tài liệu tham khảo).

Khối lượng các học phần bồi dưỡng trình độ tiến sĩ, chuyên đề và tiểu luận tổng quan được tóm tắt như sau (Bảng 21).

Bảng 4.3: Học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề và tiểu luận tổng quan

MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG (TC)
--------------------	---------------------	------------------------

PHẦN CHỮ	PHÂN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/T H/TL
CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			18		
1. CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ			12		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			9	6	3
NAPN	622	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học hiện đại (Advanced research methods in Linguistics)	3	2	1
NALN	623	Lý thuyết Ngôn ngữ học đương đại (Contemporary Linguistic Theory)	3	2	1
NANU	624	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics Studies)	3	2	1
<i>Các học phần tự chọn: tự chọn 1 học phần</i>			3	2	1
NANA	625	Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh hiện đại (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	2	1
NANN	626	Những xu hướng mới trong nghiên cứu ngữ pháp tiếng Anh (New Directions in English Grammar Studies)	3	2	1
NALU	627	Lý thuyết dịch ứng dụng (Applied Translation Studies)	3	2	1
NADV	628	Dụng học, Ngôn ngữ và Văn hóa (Pragmatics, Languages and Cultures)	3	2	1
NAAF	629	Approaches to Second/Foreign Language Teaching (Các đường hướng dạy ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai)	3	2	1
2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ: tự chọn 02 chuyên đề			4		
3. TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			2		
TỔNG SỐ			18		

Đối với môn Ngoại ngữ học thuật, NCS phải tự học để đảm bảo yêu cầu tốt nghiệp.

4.1.3. Phần 3. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

Nghiên cứu khoa học không tính bằng số tín chỉ trong khối lượng kiến thức nhưng là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo.

Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ.

Yêu cầu về luận án tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh:

Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lý luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lý thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh;

Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua theo quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án;

Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực Ngôn ngữ Anh, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành ngôn ngữ hay thực tiễn kinh tế - xã hội;

Luận án có độ dài không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh theo cấu trúc: Phần mở đầu; Tổng quan về vấn đề nghiên cứu; Nội dung, kết quả nghiên cứu; Kết luận và khuyến nghị; Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài, luận án; Danh mục tài liệu tham khảo; Phụ lục (nếu có). Bản tóm tắt luận án có độ dài không quá 24 trang A5, phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, trong đó ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án dài khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án;

Luận án phải thể hiện được hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu cụ thể;

Kết quả luận án cần có giá trị đối với lĩnh vực Ngôn ngữ Anh, về lý thuyết khoa học cũng như thực tiễn quản lý, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của người học.

Yêu cầu về số lượng và chất lượng của công trình khoa học sẽ công bố

Nghiên cứu sinh cần có ít nhất 02 (hai) bài báo liên quan đến nội dung của luận án được công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc tạp chí khoa học của Viện Đại học Mở Hà Nội, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học chuyên ngành cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức trong thời gian đào tạo. Tạp chí khoa học phải có trong danh sách tạp chí được hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận và tính điểm.

Chương trình đào tạo tiên sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dành cho các đối tượng tuyển sinh của Viện Đại học Mở Hà Nội được tóm tắt như sau (Bảng 22)

Bảng 4.4: Tóm tắt chương trình đào tạo tiên sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

STT	Nội dung	Số tín chỉ		
		NCS là cử nhân tiếng Anh đúng chuyên ngành	NCS là thạc sĩ chuyên ngành gần	NCS là thạc sĩ đúng chuyên ngành hoặc ngành phù hợp
1	PHẦN I. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG			
1.1	Kiến thức chung	8		
1.2	Các học phần cơ sở và chuyên ngành	27	12	
	• Bắt buộc	<i>18</i>	<i>9</i>	
	• Tự chọn	<i>9</i>	<i>3</i>	
2	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIÊN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			
2.1	Học phần ở trình độ tiên sĩ	12	12	12
	• Bắt buộc	<i>9</i>	<i>9</i>	<i>9</i>
	• Tự chọn	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>3</i>
2.2	Các chuyên đề tiên sĩ	4	4	4
	• Chuyên đề 1	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
	• Chuyên đề 2	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
2.3	Tiểu luận tổng quan	2	2	2
3	PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIÊN SĨ			
	Luận án tiên sĩ	80	80	80
	TỔNG SỐ	133	110	98

Đối với môn Ngoại ngữ học thuật, NCS phải tự học để đảm bảo yêu cầu tốt nghiệp.

4.2. Kế hoạch đào tạo

Phân bổ thời gian đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh của Viện Đại học Mở Hà Nội được thể hiện trong bảng 23.

Bảng 4.5: Phân bổ thời gian đào tạo tiến sĩ tiếng Anh chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Thời gian	Nội dung		
	Đối tượng là cử nhân tiếng Anh đúng chuyên ngành	Đối tượng là thạc sĩ	
		Chuyên ngành gần	Chuyên ngành đúng hoặc chuyên ngành phù hợp
Năm thứ 1	Xây dựng đề cương nghiên cứu	Xây dựng đề cương nghiên cứu	Xây dựng đề cương nghiên cứu
	Học các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ	Học các học phần bổ sung	Học chương trình ở trình độ tiến sĩ (TS)
		Học chương trình ở trình độ tiến sĩ	Hoàn thành tiểu luận tổng quan
		Hoàn thành tiểu luận tổng quan	Nghiên cứu lý thuyết liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án
			Thu thập dữ liệu của đề tài
Năm thứ 2	Học chương trình ở trình độ tiến sĩ	Nghiên cứu lý thuyết liên quan đến luận án	Thực hiện chuyên đề TS 1
	Hoàn thành tiểu luận tổng quan	Thực hiện chuyên đề TS 1	Báo cáo chuyên đề TS 1
	Nghiên cứu lý thuyết liên quan đến nội dung nghiên cứu của	Báo cáo chuyên đề TS 1	Chương trình bồi dưỡng TS (các hội

	luận án		thảo)
	Thu thập dữ liệu của đề tài	Chương trình bồi dưỡng TS (các hội thảo)	Thực hiện chuyên đề TS 2
		Thực hiện chuyên đề TS 2	Báo cáo chuyên đề TS 2
		Báo cáo chuyên đề TS 2	Thu thập và xử lý dữ liệu của đề tài
		Thu thập và xử lý dữ liệu của đề tài	
Năm thứ 3	Thực hiện chuyên đề TS 1		Viết và tổng hợp luận án
	Báo cáo chuyên đề TS 1	Viết và tổng hợp luận án	Viết và tổng hợp luận án
	Chương trình bồi dưỡng TS (các hội thảo)	Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo khoa học	Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo khoa học
	Thực hiện chuyên đề TS 2	Tổ chức hội thảo, bảo vệ luận án ở cấp bộ môn và cấp Viện ĐH Mở Hà Nội	Tổ chức hội thảo, bảo vệ luận án ở cấp bộ môn và cấp Viện ĐH Mở Hà Nội
	Báo cáo chuyên đề TS 2		
	Thu thập và xử lý dữ liệu của đề tài		
Năm thứ 4	Viết và tổng hợp luận án		
	Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo khoa học		
	Tổ chức hội thảo, bảo vệ luận án ở cấp bộ môn và cấp Viện ĐH Mở Hà Nội		

4.2.1. Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dành cho nghiên cứu sinh có bằng cử nhân tiếng Anh đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

Bảng 4.6: Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dành cho NCS có bằng cử nhân tiếng Anh đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG (các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ)			35		
1. KIẾN THỨC CHUNG			8	5	3
NATH	601	Philosophy (Triết học)	3	2	1
NAPN	602	Research Methodology (Phương pháp nghiên cứu khoa học)	2	1	1
NAFL	603	Second Foreign Language (Ngoại ngữ hai)	3	2	1
2. CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH			27		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			18	12	6
NAGL	604	General Linguistics (Ngôn ngữ học đại cương)	3	2	1
NAPP	605	Phonetics and Phonology (Ngữ âm và Âm vị học)	3	2	1
NASE	606	Semantics (Ngữ nghĩa học)	3	2	1
NAGT	607	Grammar Theories	3	2	1

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
		(Lý thuyết Ngữ pháp)			
NACC	608	Cross-culture Communication (Giao tiếp giao văn hóa)	3	2	1
NACL	609	Contrastive Linguistics (Ngôn ngữ học đối chiếu)	3	2	1
Các học phần tự chọn: tự chọn 3 học phần			9	3	6
NAWL	610	World Englishes and Language Policies (Các loại Tiếng Anh trên thế giới và chính sách Ngôn ngữ)	3	1	2
NADA	611	Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn)	3	1	2
NAAL	612	Applied Linguistics (Ngôn ngữ học ứng dụng)	3	1	2
NALE	613	Language Testing and Evaluation (Kiểm tra và Đánh giá ngôn ngữ)	3	1	2
NAAW	614	Academic Writing Skills (Kỹ năng Viết hàn lâm)	3	1	2
NASL	615	Socio-Linguistics (Ngôn ngữ học xã hội)	3	1	2
NALA	616	Language Acquisition (Thụ đắc ngôn ngữ)	3	1	2
NASD	617	Syllabus design (Thiết kế nội dung môn học)	3	1	2
NATM	618	English teaching methodology (Phương pháp giảng dạy tiếng Anh)	3	1	2

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
NASP	619	English for specific purposes (Tiếng Anh chuyên ngành)	3	1	2
NATT	620	Translation theories (Lý thuyết dịch)	3	1	2
NAPR	621	Pragmatics (Ngữ dụng học)	3	2	1
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			18		
1. CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ			12		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			9	6	3
NAPN	622	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học hiện đại (Advanced research methods in Linguistics)	3	2	1
NALN	623	Lý thuyết Ngôn ngữ học đương đại (Contemporary Linguistic Theory)	3	2	1
NANU	624	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics Studies)	3	2	1
<i>Các học phần tự chọn: tự chọn 1 học phần</i>			3	2	1
NANA	625	Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh hiện đại (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	2	1
NANN	626	Những xu hướng mới trong nghiên cứu ngữ pháp tiếng Anh (New Directions in English Grammar Studies)	3	2	1
NALU	627	Lý thuyết dịch ứng dụng (Applied Translation Studies)	3	2	1
NADV	628	Dụng học, Ngôn ngữ và Văn hóa (Pragmatics, Languages and Cultures)	3	2	1

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL
NAAF	629	Approaches to Second/Foreign Language Teaching (Các đường hướng dạy ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai)	3	2	1
2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ: tự chọn 02 chuyên đề			4		
3. TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			2		
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)					
LUẬN ÁN TIỀN SĨ			80		
Luận án			80		
TỔNG CỘNG			133		
Đối với môn Ngoại ngữ học thuật, NCS phải tự học để đảm bảo yêu cầu tốt nghiệp.					

4.2.2. Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dành cho NCS có bằng thạc sĩ tiếng Anh gắn với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

Bảng 4.7. Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dành cho NCS có bằng thạc sĩ tiếng Anh gắn với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/TH/TL

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/T H/TL
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG			12		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			9	6	3
NAGL	604	General Linguistics (Ngôn ngữ học đại cương)	3	2	1
NASE	606	Semantics (Ngữ nghĩa học)	3	2	1
NACL	609	Contrastive Linguistics (Ngôn ngữ học đối chiếu)	3	2	1
<i>Các học phần tự chọn: tự chọn 1 học phần</i>			3	2	1
NACC	608	Cross-culture Communication (Giao tiếp giao văn hóa)	3	2	1
NASL	615	Socio-linguistics (Ngôn ngữ học xã hội)	3	2	1
NALA	616	Language Acquisition (Thụ đắc ngôn ngữ)	3	2	1
NADA	611	Discourse Analysis (Phân tích diễn ngôn)	3	2	1
NAPR	621	Pragmatics (Dụng học)	3	2	1
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			18		
1. CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ			12		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			9	6	3
NAPN	622	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học hiện đại (Advanced research methods in Linguistics)	3	2	1

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/T H/TL
NALN	623	Lý thuyết Ngôn ngữ học đương đại (Contemporary Linguistic Theory)	3	2	1
NANU	624	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics Studies)	3	2	1
Các học phần tự chọn: tự chọn 1 học phần			3	2	1
NANA	625	Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh hiện đại (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	2	1
NANN	626	Những xu hướng mới trong nghiên cứu ngữ pháp tiếng Anh (New Directions in English Grammar Studies)	3	2	1
NALU	627	Lý thuyết dịch ứng dụng (Applied Translation Studies)	3	2	1
NADV	628	Dụng học, Ngôn ngữ và Văn hóa. (Pragmatics, Languages and Cultures)	3	2	1
NAAF	629	Approaches to Second/ Foreign Language Teaching (Các đường hướng dạy ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai)	3	2	1
2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ: tự chọn 02 chuyên đề			4		
3. TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			2		
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS <i>xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)</i>					
LUẬN ÁN TIẾN SĨ			80		

MÃ HỌC PHẦN		Tên học phần (tiếng Việt, tiếng Anh)	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/T H/TL
Luận án			80		
TỔNG CỘNG			110		
Đối với môn Ngoại ngữ học thuật, NCS phải tự học để đảm bảo yêu cầu tốt nghiệp.					

4.2.3. Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dành cho NCS có bằng thạc sĩ tiếng Anh ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Bảng 4.8: Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh dành cho NCS có bằng thạc sĩ tiếng Anh ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

MÃ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG (TC)		
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		Số tín chỉ	Lý thuyết	TN/T H/TL
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			18		
1. CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ			12		
<i>Các học phần bắt buộc</i>			9	6	3
NAPN	622	Phương pháp nghiên cứu Ngôn ngữ học hiện đại (Advanced research methods in Linguistics)	3	2	1
NALN	623	Lý thuyết Ngôn ngữ học đương đại (Contemporary Linguistic Theory)	3	2	1
NANU	624	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics Studies)	3	2	1
<i>Các học phần tự chọn: tự chọn 1 học phần</i>			3	2	1

NANA	625	Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh hiện đại (Advanced English Phonetics and Phonology)	3	2	1
NANN	626	Những xu hướng mới trong nghiên cứu ngữ pháp tiếng Anh (New Directions in English Grammar Studies)	3	2	1
NALU	627	Lý thuyết dịch ứng dụng (Applied Translation Studies)	3	2	1
NADV	628	Dụng học, Ngôn ngữ và Văn hóa. (Pragmatics, Languages and Cultures)	3	2	1
NAAF	629	Approaches to Second/Foreign Language Teaching (Các đường hướng dạy ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai)	3	2	1
2. CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ: tự chọn 02 chuyên đề			4		
3. TIỂU LUẬN TỔNG QUAN			2		
PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)					
LUẬN ÁN TIẾN SĨ			80		
Luận án			80		
TỔNG CỘNG			98		
Đối với môn Ngoại ngữ học thuật, NCS phải tự học để đảm bảo yêu cầu tốt nghiệp.					

4.3. Các hướng đề tài nghiên cứu có thể nhận nghiên cứu sinh và số lượng nghiên cứu sinh

Các hướng đề tài nghiên cứu chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có thể nhận nghiên cứu sinh và số lượng nghiên cứu sinh có thể nhận được của Viện Đại học Mở Hà Nội (bảng 28).

Bảng 27: Các hướng đề tài nghiên cứu có thể nhận nghiên cứu sinh và số lượng nghiên cứu sinh có thể nhận được

STT	Hướng đề tài nghiên cứu có thể nhận nghiên cứu sinh (NCS)	Họ tên, học hàm-học vị người thực hiện hướng dẫn	Số lượng NCS
I.	Hướng nghiên cứu liên quan đến những vấn đề chung về Lý thuyết Ngôn ngữ học Anh		
I.1	Những vấn đề trong nghiên cứu ngôn ngữ học (Issues in Linguistics)	GS. TS Hoàng Văn Vân PGS.TS Hoàng Tuyết Minh PGS.TS Trần Văn Phước PGS.TS Võ Đại Quang	15
I.2	Những vấn đề trong nghiên cứu Ngữ nghĩa học tiếng Anh (English Semantics English)	PGS.TS Ngô Hữu Hoàng PGS.TS Lâm Quang Đông PGS.TS Trần Xuân Điệp PGS.TS Nguyễn Văn Độ	
I.3	Những vấn đề trong nghiên cứu Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh (Issues in English Phonetics and Phonology)	PGS.TS Phan Văn Hòa PGS.TS Phan Văn Quế PGS.TS Nguyễn Đức Hoạt	

STT	Hướng đề tài nghiên cứu có thể nhận nghiên cứu sinh (NCS)	Họ tên, học hàm-học vị người thực hiện hướng dẫn	Số lượng NCS
I.4	Những vấn đề trong nghiên cứu Ngữ pháp tiếng Anh (Issues in English Grammar)	TS. Huỳnh Anh Tuấn TS. Hồ Ngọc Trung TS. Lê Văn Thanh TS. Nguyễn Thị Vân Đông TS. Đặng Ngọc Hương TS. Nguyễn Đăng Sửu	
II	Hướng nghiên cứu liên quan đến những vấn đề chung về Ngôn ngữ học Ứng dụng		
II.1	Những vấn đề trong Ngôn ngữ học Ứng dụng (tiếng Anh) (Issues in Applied Linguistics (English))	GS.TS Hoàng Văn Vân GS. Nguyễn Quang PGS.TS Lê Văn Canh	20
II.2	Những vấn đề về Phân tích Đối chiếu các Ngôn ngữ (Issues in Contrastive Analysis)	PGS.TS Lâm Quang Đông PGS.TS Trần Xuân Điệp PGS.TS Nguyễn Xuân Thơm	
II.3	Những vấn đề trong Phân tích Hội thoại (Issues in Conversational Analysis)	PGS.TS Nguyễn Xuân Trào PGS.TS Ngô Đình Phương PGS.TS Phan Văn Quế	
II.4	Những vấn đề về Nghiên cứu Dịch thuật (Issues in Translation Studies)	PGS.TS Phan Văn Hòa PGS.TS Hoàng Tuyết Minh PGS.TS Trần Văn Phước	

STT	Hướng đề tài nghiên cứu có thể nhận nghiên cứu sinh (NCS)	Họ tên, học hàm-học vị người thực hiện hướng dẫn	Số lượng NCS
II.5	Những vấn đề về Thu đặc ngôn ngữ (Issues in Language Acquisition)	PGS.TS Nguyễn Đức Hoạt TS. Huỳnh Anh Tuấn TS. Nguyễn Huy Kỳ TS. Lê Văn Thanh	
II.6	Những vấn đề về Sự phát triển của Ngôn ngữ (Issues in Language development)	TS. Ly Lan TS. Đặng Ngọc Hương TS. Hồ Ngọc Trung	
II.7	Những vấn đề về Ngữ dụng học (Issues in Pragmatics)	TS. Nguyễn Đăng Sửu	
II.8	Những vấn đề trong Phân tích diễn ngôn (Issues in Discourse Analysis)		
II.9	Những vấn đề về Ngôn ngữ học Tri nhận (Issues in Cognitive Linguistics)		
III	Hướng nghiên cứu liên quan đến những vấn đề về Ngôn ngữ học liên ngành		
III.1	Những vấn đề trong nghiên cứu Giao thoa Văn hóa (Issues in Cross-culture Studies)	GS.TS Nguyễn Quang PGS.TS Nguyễn Văn Độ PGS. TS Võ Đại Quang	15
III.2	Ngôn ngữ học Lịch sử (Historical linguistics)	PGS.TS Ngô Hữu Hoàng PGS.TS Nguyễn Xuân	

STT	Hướng đề tài nghiên cứu có thể nhận nghiên cứu sinh (NCS)	Họ tên, học hàm-học vị người thực hiện hướng dẫn	Số lượng NCS
III.3	Ngôn ngữ học Khối liệu (Corpus linguistics)	Thom PGS.TS Lê Văn Canh	
III.4	Ngôn ngữ học Xã hội (Sociolinguistics)	PGS.TS Nguyễn Đình Phương PGS.TS Nguyễn Văn Trào	
III.5	Ngôn ngữ học Tâm lý (Psycholinguistics)	TS. Nguyễn Huy Kỳ TS. Nguyễn Thị Vân Đông	
III.6	Ngôn ngữ học Nhân chủng học (Anthrophological linguistics)	TS. Ly Lan	